BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Quản trị nhân sự - 1104013
Mã lớp học phần: 110401301 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Lê Thị Vân Đan
Ngày thi: 24/04/2015 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: A1.7**

Giám thị 1: Minh Hiếu Ký tên:
Giám thị 2: Hồng Nhung Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1310100179	Lai Xuân	Sơn	06/07/1994			5,5	Năm rưỡi	C15QT1	
2	1310100071	Nguyễn Hoài	Sơn	08/02/1995			5,5	Năm rưỡi	C15QT1	
3	1310100114	Nguyễn Thị Diễm	Sương	14/08/1995			8,5	Tám rưỡi	C15QT1	
4	1210090400	Trần Lữ Thanh	Tâm	08/06/1994			3,5	Ba rưỡi	C14QT4	
5	1110090224	Vũ Trắng Tố	Tâm	17/12/1991			3	Ba	C13QT2	
6	1310100073	Đinh Quốc	Thành	26/03/1995			6	Sáu	C15QT1	
7	1110090321	Tạ Nguyên	Thành	09/02/1992					C13QT3	Nợ HP
8	1310100067	Đặng Thị Sỹ	Thảo	09/07/1995			8,5	Tám rưỡi	C15QT1	
9	1310100018	Hồ Thị Thanh	Thảo	25/02/1994			8,5	Tám rưỡi	C15QT1	
10	1310100107	Lê Anh	Thi	05/08/1994			3,5	Ba rưỡi	C15QT1	
11	1210090458	Trần Đăng	Thịnh	03/12/1994			8	Tám	C14QT4	
12	1310100024	Hồ Thị Mỷ	Tiên	26/07/1995			10	Mười	C15QT1	
13	1310100141	Nguyễn Quỳnh	Tiên	08/08/1995					C15QT1	
14	1310100156	Phạm Thị Thủy	Tiên	05/03/1995			4,5	Bốn rưỡi	C15QT1	
15	1310100100	Trần Minh	Tiến	28/07/1994			6	Sáu	C15QT1	
16	1210090523	Bùi Thị Hồng	Trang	16/02/1994			6	Sáu	C14QT5	
17	1310100091	Nguyễn Minh	Trang	06/08/1995			7	Bảy	C15QT1	
18	1310100054	Trần Thị Ngọc	Trang	08/09/1994			6,5	Sáu rưỡi	C15QT1	
19	1310100084	Huỳnh Thị Mỹ	Tranh	18/08/1994			3,5	Ba rưỡi	C15QT1	
20	1310100224	Trần Thị Bích	Trâm	26/03/1995			5,5	Năm rưỡi	C15QT1	
21	1310100235	Châu Ngọc Huyền	Trân	11/12/1994			9,5	Chín rưỡi	C15QT1	
22	1310100061	Trịnh Lê Hải	Triều	18/08/1994			8	Tám	C15QT1	
23	1310100118	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	25/05/1995			5	Năm	C15QT1	
24	1310100010	Huỳnh Lê Anh	Tuấn	01/04/1995			4	Bốn	C15QT1	
25	1310100056	Bùi Thị Phương	Tuyền	22/09/1995			5	Năm	C15QT1	
26	1310100058	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	16/02/1995			8	Tám	C15QT1	
27	1310100108	Nguyễn Thanh	Tuyền	01/09/1995			4	Bốn	C15QT1	
28	1310100097	Trần Bảo	Tùng	02/12/1995					C15QT1	Nợ HP
29	1310100171	Võ Thanh	Tùng	16/05/1995			7,5	Bảy rưỡi	C15QT1	
30	1310100109	Đinh Thùy Hoàng	Uyên	26/06/1995			7	Bảy	C15QT1	
31	1310100133	Đinh Thị	Vân	03/01/1995			5,5	Năm rưỡi	C15QT1	
32	1310100003	Nguyễn Thị Bích	Vân	30/06/1995			5,5	Năm rưỡi	C15QT1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1310100255	Nguyễn Thị Hồng	**Vân**	05/08/1993	Vân		5	Năm	C15QT1	
34	1310100055	Nguyễn Thị Tuyết	**Vân**	03/01/1995	Vân		6	Sáu	C15QT1	
35	1310100048	Nguyễn Thị Quốc	**Vương**	02/12/1995	Vương		2	Hai	C15QT1	

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Quản trị nhân sự - 1104013
Mã lớp học phần: 110401301 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Lê Thị Vân Đan
Ngày thi: 24/04/2015 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: A1.8**

Giám thị 1: M. Trung Ký tên:
Giám thị 2: X. Kê Ký tên:
Giám thị 3: M. Tri Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1310100212	Trần Thị Bình	An	13/10/1994			6,5	Sáu rưỡi	C15QT1	
2	1310100175	Hồ Hiếu Hoàng	Anh	31/10/1995			5,5	Năm rưỡi	C15QT1	
3	1310100120	Trần Kim	Anh	16/10/1995			9,5	Chín rưỡi	C15QT1	Nợ HP 12738
4	1310100216	Huỳnh Thị Thu	Ba	01/03/1994			9	Chín	C15QT1	
5	1310100226	Nguyễn Thị	Bé	10/02/1994			4,5	Bốn rưỡi	C15QT1	
6	1310100022	Nguyễn Ngọc	Bích	08/02/1995			6	Sáu	C15QT1	
7	1310100041	Võ Công	Danh	17/8/1995			9,5	Chín rưỡi	C15QT1	
8	1310100025	Hà Thị	Dung	19/05/1994			7,5	Bảy rưỡi	C15QT1	
9	1310100240	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	28/08/1995			9,5	Chín rưỡi	C15QT1	
10	1310100089	Nguyễn Thị Thùy	Dung	27/12/1994			5,5	Năm rưỡi	C15QT1	
11	1310100222	Trương Khánh	Duy	21/01/1994			5	Năm	C15QT1	
12	1310100053	Mai Thị Kim	Duyên	02/05/1995			5	Năm	C15QT1	
13	1310100144	Võ Thị Phương	Duyên	01/04/1994			8,5	Tám rưỡi	C15QT1	
14	1310100040	Nguyễn Ánh	Dương	6/8/1995			7,5	Bảy rưỡi	C15QT1	
15	1310100113	Huỳnh Thị Như	Hải	30/09/1994					C15QT1	Nợ HP
16	1310100207	Lê Thị Thúy	Hằng	10/07/1995			2,5	Hai rưỡi	C15QT1	
17	1310100094	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	22/04/1995			7	Bảy	C15QT1	
18	1310100187	Phạm Trung	Hậu	21/01/1995			4,5	Bốn rưỡi	C15QT1	
19	1310100019	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	02/01/1994			6,5	Sáu rưỡi	C15QT1	
20	1310100035	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	28/06/1995			5,5	Năm rưỡi	C15QT1	
21	1310100138	Võ Đình	Hiếu	17/05/1994					C15QT1	Nợ HP
22	1310100232	Nguyễn Bùi Xuân	Hoa	08/02/1994			5	Năm	C15QT1	
23	1310100096	Huỳnh Duy	Hòa	08/06/1994			5,5	Năm rưỡi	C15QT1	
24	1310100119	Lê Thị Ngọc	Hơn	20/09/1992			7,5	Bảy rưỡi	C15QT1	
25	1310100082	Phan Thị Thanh	Huyền	13/05/1994			5	Năm	C15QT1	
26	1310100064	Trần Quốc	Khải	17/01/1995			3	Ba	C15QT1	
27	1310100099	Nguyễn Hoàng	Khương	08/11/1995			6	Sáu	C15QT1	
28	1310100098	Nguyễn Văn	Lâm	02/01/1995			7,5	Bảy rưỡi	C15QT1	
29	1310100182	Nguyễn Thị Huỳnh	Liên	07/09/1994			7,5	Bảy rưỡi	C15QT1	
30	1310100148	Đặng Thị Mai	Linh	11/11/1995			7,5	Bảy rưỡi	C15QT1	
31	1310100008	Nguyễn Ngọc	Linh	18/02/1995			4	Bốn	C15QT1	
32	1310100208	Phan Thị Kim	Loan	19/10/1995			5,5	Năm rưỡi	C15QT1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1310100181	Nguyễn Thị Xuân	**Mai**	06/09/1994			7	Bảy	C15QT1	
34	1310100164	Đào Văn	**Mạnh**	09/07/1995			8	tám	C15QT1	
35	1310100230	Nguyễn Thị Hồng	**Nga**	03/10/1994			5	Năm	C15QT1	
36	1310100139	Mã Kim	**Ngân**	31/10/1995			10	Mười	C15QT1	
37	1310100051	Lê Kim	**Ngọc**	13/03/1994			7	Bảy	C15QT1	
38	1310100093	Nguyễn Thị Kim	**Ngọc**	15/04/1995			6,5	Sáu rưỡi	C15QT1	
39	1210090278	Vũ Kiều Khánh	**Ngọc**	26/05/1994			10	Mười	C15QT1	
40	1310100202	Nguyễn Thảo	**Nguyên**	07/09/1995			8	Tám	C15QT1	
41	1310100215	Nguyễn Văn	**Nhân**	05/08/1994					C15QT1	Nợ HP
42	1310100218	Nguyễn Thị Yến	**Nhi**	11/08/1995			4,5	Bốn rưỡi	C15QT1	
43	1310100123	Hà Trần Khánh	**Như**	19/10/1995					C15QT1	
44	1310100198	Phạm Thị Yến	**Như**	05/06/1995			7	Bảy	C15QT1	
45	1310100250	Lê Đình	**Phong**	17/04/1995			3,5	Ba rưỡi	C15QT1	
46	1310100037	Trần Nguyễn Minh	**Phương**	22/5/1995			7,5	Bảy rưỡi	C15QT1	
47	1310100251	Nguyễn Thị Thanh	**Phượng**	06/9/1995			7,5	Bảy rưỡi	C15QT1	
48	1310100044	Nguyễn Thị Kim	**Phượng**	26/04/1995			5,5	Năm rưỡi	C15QT1	
49	1310100030	Phạm Thị Tú	**Quyên**	31/01/1994			6	Sáu	C15QT1	
50	1310100017	Trương Văn	**Quý**	26/07/1995			5	Năm	C15QT1	